

Bản án số 30/2022/HS-PT

Ngày 19-01-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;

Các Thẩm phán: bà Lê Thị Thúy Bình;

ông Nguyễn Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 937/2021/TLHS-PT ngày 21 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo Nông Ngọc T1, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án số 56/2021/HS-ST ngày 13-9-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Bị cáo kháng cáo:

Nông Ngọc T1 sinh ngày 09-10-1992; trú tại: số 34, đường C, phường V, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: khu T, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Hồng Th (đã chết) và bà Nguyễn Kim D; có vợ là Triệu Thu Q và 01 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tại Quyết định số 568/QĐ/XPVPHC ngày 02-3-2007, Công an phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt cảnh cáo về hành vi đốt pháo nổ gây mất trật tự công cộng; tại Quyết định số 647/QĐ-XPVPHC ngày 06-3-2014, Công an thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích; bị bắt giam ngày 27-12-2020; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trương Đức H - Văn phòng Luật sư H, Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị hại: anh Trần Bá A sinh năm 1989; trú tại: nhà số 20, đường T, phường H, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: chị Triệu Thị T2 sinh năm 1988; trú tại: đường Đ, phường L, thành phố LS; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tháng 8/2018 Triệu Thị T2 (chị họ của vợ Nông Ngọc T1) cần tiền để đáo hạn ngân hàng nên đã nhờ Nông Ngọc T1 vay hộ 50.000.000 đồng. Nông Ngọc T1 nói vay số tiền lớn phải có tài sản thế chấp, Triệu Thị T2 nói có sổ đỏ. Nông Ngọc T1 gọi điện cho Trịnh Thị Ngọc L hỏi vay tiền và được đồng ý. Ngày 27-8-2018, Nông Ngọc T1 đưa Triệu Thị T2 đến cửa hiệu cầm đồ của Trịnh Thị Ngọc L1 để Triệu Thị T2 và Trịnh Thị Ngọc L1 tự thỏa thuận, vay có tính lãi suất, hiện không ai còn nhớ lãi suất là bao nhiêu. Sau đó, Nông Ngọc T1, Trịnh Thị Ngọc L1 và Triệu Thị T2 cùng ra Văn phòng công chứng NTH (tại đường L, phường V, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn) để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 154, tờ bản đồ số 13, địa chỉ khối Trần Hưng Đạo, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn từ Triệu Thị T2 cho Trịnh Thị Ngọc L1 để vay 50.000.000 đồng, Triệu Thị T2 trực tiếp nhận tiền từ Trịnh Thị Ngọc L1. Triệu Thị T2 khai chỉ vay 20.000.000 đồng còn 30.000.000 đồng là Nông Ngọc T1 đặt vấn đề vay chung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với Triệu Thị T2.

Ngày hôm sau Triệu Thị T2 tiếp tục gọi điện nhờ Nông Ngọc T1 hỏi vay thêm Trịnh Thị Ngọc L1 50.000.000 đồng nhưng Trịnh Thị Ngọc L1 không đồng ý. Thời điểm này Nông Ngọc T1 cũng đang cần tiền để trả nợ nên nói với Triệu Thị T2 cho vay cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Triệu Thị T2 số tiền 200.000.000 đồng để kinh doanh, Triệu Thị T2 đồng ý. Sau đó Nông Ngọc T1 gọi điện cho Nguyễn Thanh L2 hỏi vay tiền, Nguyễn Thanh L2 đồng ý với điều kiện phải có tài sản thế chấp. Ngày 28-8-2018, Nông Ngọc T1 đưa Triệu Thị T2 đến Văn phòng công chứng NTH để làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Triệu Thị T2 với Nguyễn Thanh L2 và vợ là Nguyễn T2 Nga. Tại đây, Nguyễn Thanh L2 đưa trước cho Nông Ngọc T1 số tiền 50.000.000 đồng để trả cho Trịnh Thị Ngọc L1 mà Triệu Thị T2 vay hôm trước để Trịnh Thị Ngọc L1 làm thủ tục huỷ hợp đồng chuyển nhượng hôm trước với Triệu Thị T2. Xong thủ tục, Nguyễn Thanh L2 đưa thêm cho Nông Ngọc T1 số tiền 150.000.000 đồng, Nguyễn Thanh L2 cho vay với lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Khi về, Nông Ngọc T1 đưa cho Triệu Thị T2 50.000.000 đồng, tổng số tiền T2 nhận từ T1 là 70.000.000 đồng, số còn lại 130.000.000 đồng Nông Ngọc T1 đã sử dụng để trả nợ. Một thời gian sau, Nông Ngọc T1 cần tiền nên hỏi Nguyễn Thanh L2 để vay thêm 100.000.000 đồng nhưng Nguyễn Thanh L2 không đồng ý. Triệu Thị T2 khai lần vay này Nông Ngọc T1 đưa cho mình 70.000.000 đồng (trong đó 20.000.000 đồng trả cho Trịnh Thị Ngọc L1, Triệu Thị T2 nhận 50.000.000 đồng) và không có việc Nông Ngọc T1 nói với Triệu Thị T2 cùng chung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Triệu Thị T2 để vay tiền của Nguyễn Thanh L2.

Khoảng 02 ngày sau, Triệu Thị T2 đưa cho Nông Ngọc T1 70.000.000 đồng để trả cho Nguyễn Thanh L2 và yêu cầu Nông Ngọc T1 lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do chưa có tiền để trả khoản vay Nguyễn Thanh L2 cùng với Triệu Thị T2, nên Nông Ngọc T1 đã tạo ra nhiều lý do chưa lấy lại được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Nông Ngọc T1 đã sử dụng hết số

tiền Triệu Thị T2 đưa để trả cho Nguyễn Thanh L2. Trong thời gian này bản thân T2 lo chữa bệnh cho con nên không đi tìm gặp L2 được.

Cuối năm 2018 do cần tiền để đưa con đi chữa bệnh nên Triệu Thị T2 tiếp tục nhờ Nông Ngọc T1 vay giúp 50.000.000 đồng, do trước đó Nguyễn Thanh L2 không đồng ý cho vay thêm nên Nông Ngọc T1 trao đổi với Triệu Thị T2 chuyển sang vay người khác, Triệu Thị T2 đồng ý. Thông qua Hà Quang T3 (sinh năm 1986, trú tại đường B, phường H, thành phố LS) giới thiệu, Nông Ngọc T1 quen Trần Bá A và đặt vấn đề vay tiền cho Triệu Thị T2, Trần Bá A đồng ý cho vay với lãi suất 2.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày và yêu cầu phải có tài sản thế chấp. Sau đó Nông Ngọc T1, Trần Bá A và Hà Quang Tiến đến nhà Triệu Thị T2 tại ngõ 1, phường C, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn để xem nhà đất. Xem xong, Trần Bá A đồng ý cho vay với điều kiện phải chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Nông Ngọc T1 nói sẽ trao đổi với Triệu Thị T2. Lúc này, Nông Ngọc T1 không có tiền để trả cho Nguyễn Thanh L2 và những người khác nên nảy sinh ý định sẽ vay Trần Bá A cho Triệu Thị T2 số tiền 50.000.000 đồng và Nông Ngọc T1 sẽ vay thêm số tiền 250.000.000 đồng. Sau khi vay được tiền của Trần Bá A, Nông Ngọc T1 sẽ không đưa tiền cho Triệu Thị T2 mà sử dụng toàn bộ số tiền này để trả nợ. Ngày 27-11-2018, sau khi trao đổi với Triệu Thị T2 về việc Trần Bá A yêu cầu phải làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì mới cho vay và Nông Ngọc T1 nói với Triệu Thị T2 cho vay cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay Trần Bá A số tiền 250.000.000 đồng dùng vào việc kinh doanh nhưng thực chất là để trả nợ người khác. Sau đó Nông Ngọc T1 nói với Trần Bá A vay số tiền 300.000.000 đồng và bảo Trần Bá A đến Văn phòng công chứng NTH để làm thủ tục chuyển nhượng đất đồng thời Nông Ngọc T1 thông báo cho vợ chồng Nguyễn Thanh L2 đến Văn phòng công chứng làm thủ tục hủy hợp đồng chuyển nhượng với Triệu Thị T2. Trần Bá A cùng vợ là Nguyễn Thị Tuyết Tr và Hà Quang T3 cùng đến gặp Nông Ngọc T1 và Triệu Thị T2 tại đó. Trong khi chờ nhân viên Văn phòng công chứng soạn thảo hợp đồng, Trần Bá A quay về nhà lấy tiền, khi quay lại chỉ thấy Nông Ngọc T1 và Nguyễn Thị Tuyết Trinh, còn Trần Thị T2 đã ký hợp đồng và đi về trước. Sau khi hoàn tất thủ tục, Trần Bá A đưa cho Nông Ngọc T1 số tiền 300.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Nông Ngọc T1 sử dụng hơn 200.000.000 đồng trả lãi và gốc cho Nguyễn Thanh L2, số còn lại Nông Ngọc T1 sử dụng chi tiêu cá nhân. Do không nhận được tiền vay và hợp đồng vay tiền nên Triệu Thị T2 đã nhiều lần gọi điện hỏi Nông Ngọc T1 thì Nông Ngọc T1 lấy nhiều lý do và tránh mặt. Triệu Thị T2 khẳng định không có việc Nông Ngọc T1 đặt vấn đề cho mình cùng sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền với Trần Bá A.

Sau lần vay này, Nông Ngọc T1 còn đến gặp Trần Bá A 02 lần và nói là Triệu Thị T2 cần vay thêm tổng số tiền 350.000.000 đồng trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng giữa Triệu Thị T2 và Trần Bá A trước đó. Lần thứ nhất Nông Ngọc T1 nói Triệu Thị T2 cần vay thêm 200.000.000 đồng; lần thứ hai Nông Ngọc T1 nói Triệu Thị T2 cần vay thêm 150.000.000 đồng. Vì tin Nông Ngọc T1 nói vay cho Triệu Thị T2 là thật nên Trần Bá A đã đưa cho Nông Ngọc T1

tổng số tiền 350.000.000 đồng. Kết quả điều tra xác định cả hai lần vay tiền Trần Bá A, Nông Ngọc T1 đều không hỏi ý kiến của Triệu Thị T2 và sau đó đã sử dụng hết số tiền chiếm đoạt của Trần Bá A vào việc trả nợ cho người khác và trả lãi cho khoản vay của Trần Bá A trước đó.

Những vấn đề còn mâu thuẫn trong lời khai của Nông Ngọc T1 và Triệu Thị T2 nêu trên, Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất nhưng các bên vẫn giữ nguyên lời khai.

Tại Cáo trạng số 90/CT-VKS-P1 ngày 20-7-2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố Nông Ngọc T1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự về hành vi chiếm đoạt của chị Triệu Thị T2 300.000.000 đồng và chiếm đoạt của anh Trần Bá A 350.000.000 đồng; tổng số là 650.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên thay đổi, bổ sung việc Nông Ngọc T1 chiếm đoạt của anh Trần Bá A tổng số là 650.000.000 đồng (chị T2 không phải là bị hại).

Tại Bản án số 56/2021/HS-ST ngày 13-9-2021, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 48, Điều 50 Bộ luật hình sự; xử phạt Nông Ngọc T1 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại Trần Bá A về việc bị cáo Nông Ngọc T1 phải bồi thường cho anh Trần Bá A số tiền 450.000.000 đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20-9-2021, bị cáo Nông Ngọc T1 có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa:

Bị cáo cho rằng chỉ nhận của anh Trần Bá A 300.000.000 đồng khi làm thủ tục vay tiền cho chị Triệu Thị T2; việc kết luận bị cáo chiếm đoạt 650.000.000 đồng của anh A là không đúng; bị cáo đề nghị xem xét giảm hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có ý kiến, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nông Ngọc T1 cho rằng chỉ nhận tổng số 300.000.000 đồng của anh Trần Bá A khi làm thủ tục vay tiền cho chị T2, nhưng căn cứ vào các lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án, có đủ căn cứ kết luận lợi dụng việc chị T2 nhờ làm thủ tục để vay tiền của anh A, bị cáo đã có hành vi gian dối trong việc vay tiền cho chị T2, chiếm đoạt của anh A tổng số 650.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm kết án Nông Ngọc T1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, không oan. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo; đã bồi thường một phần thiệt hại, khắc phục hậu quả; có bố đẽ là thương binh; xét thấy việc Tòa án cấp sơ

thẩm kết án bị cáo Nông Ngọc T1 12 năm tù là có phần nghiêm khắc; đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng tại phiên tòa, bị cáo khai chỉ nhận 300.000.000 đồng của anh A, khi làm thủ tục chuyển nhượng tài sản của chị T2 cho anh An để bảo đảm khoản vay. Hành vi chiếm đoạt số tiền nêu trên có dấu hiệu của tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, thành khẩn khai báo, đã bồi thường khắc phục hậu quả; đề nghị xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nông Ngọc T1 cho rằng chỉ nhận tổng số 300.000.000 đồng của anh Trần Bá A khi làm thủ tục vay tiền cho chị T2, nhưng căn cứ vào các lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án, có đủ căn cứ kết luận: từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2018, lợi dụng việc chị Triệu Thị T2 nhờ làm thủ tục thế chấp tài sản để vay tiền của anh A, bị cáo Nông Ngọc T1 đã có hành vi gian dối để nhận tiền vay, sau đó không giao cho chị T2; chiếm đoạt của anh Trần Bá A, tổng số 650.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm kết án Nông Ngọc T1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, không oan.

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; bị cáo còn phạm vào tình tiết tăng nặng là “phạm tội 02 lần trở lên”. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng đối với bị cáo như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có bố đẻ là thương binh, thì tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo và bị hại đã xác nhận bị cáo đã trả cho bị hại được 200.000.000 đồng; đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét tình tiết giảm nhẹ này đối với bị cáo là thiếu sót. Bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ; xem xét đầy đủ, toàn diện các tình tiết của vụ án, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo 12 năm tù là có phần nghiêm khắc, nên có căn cứ giảm hình phạt cho bị cáo.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

[3]. Về án phí: bị cáo Nông Ngọc T1 không phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Sửa Bản án số 56/2021/HS-ST ngày 13-9-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn như sau:

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1; khoản 2

Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nông Ngọc T1 11 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27-12-2020.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm nêu trên đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam CA tỉnh Lạng Sơn
(02 bản để giao cho bị cáo 01 bản);
- Cục T.H.A DS tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tất Nam